

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 6 - 2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Điệp

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Châu Thanh Nguyên

Bà Chế Thị Hồng Cẩm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Trường, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:* Ông Chau Pholy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Võ Văn D**, sinh ngày 01/01/1967; nơi cư trú: Tổ A, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang; Số định danh cá nhân 089067006522 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Phan Thị Thu C**, sinh ngày 15/10/1967; nơi cư trú: Tổ A, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang; Số định danh cá nhân 089167010185 (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

-Nguyên đơn ông Võ Văn D trình bày:

Ông với bà Phan Thị Thu C tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 18/4/1990. Sau thời gian sống chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau nên không còn tình cảm, không còn yêu thương nhau nên đã sống ly thân hơn 03 năm. Hơn 03 năm nay, vợ chồng không quan tâm nhau nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Vợ chồng mâu

thuần trầm trọng, hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên không thể kéo dài. Ông yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị Thu C.

Ông với bà Phan Thị Thu C có 02 con chung tên Võ Quốc V sinh năm 1990 và Võ Ngọc Lan N sinh năm 1997, đã thành niên và có khả năng tự lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Phan Thị Thu C vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không cung cấp ý kiến.

- Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Võ Văn D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Phan Thị Thu C đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt.

Ông Võ Văn D yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị Thu C là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Võ Văn D ly hôn bà Phan Thị Thu C. Ông Võ Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Ông Võ Văn D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị Thu C cư trú tại thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý vụ án về việc Ly hôn và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn ông Võ Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Phan Thị Thu C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[1.3] Bị đơn bà Phan Thị Thu C không đưa ra chứng cứ, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn ông Võ Văn D cung cấp. Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Ông Võ Văn D trình bày ông với bà Phan Thị Thu C tự nguyện sống chung với nhau. Ông Võ Văn D với bà Phan Thị Thu C đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 18/4/1990 nên ông Võ Văn D với bà Phan Thị Thu C xác lập quan hệ

giữa vợ và chồng. Giấy khai sinh số 92 ngày 18/4/1990 và số 196 ngày 03/9/2001 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang thể hiện Võ Quốc V sinh ngày 19/02/1990 và Võ Ngọc Lan N sinh ngày 01/01/1997 là con của ông Võ Văn D với bà Phan Thị Thu C.

[2.2] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Trong quá trình sống chung ông Võ Văn D và bà Phan Thị Thu C phát sinh mâu thuẫn nên đã không sống chung với nhau hơn 03 năm; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; ai có cuộc sống riêng của người đó; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Văn D kiên quyết yêu cầu được ly hôn, trình bày tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục sống chung với nhau. Bà Phan Thị Thu C không có ý kiến thể hiện muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã thông báo hòa giải nhưng các đương sự vắng mặt nên không hòa giải được vụ án. Vậy, hôn nhân giữa ông Võ Văn D và bà Phan Thị Thu C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Võ Văn D.

[2.3] Con chung của ông Võ Văn D và bà Phan Thị Thu C là Võ Quốc V sinh ngày 19/02/1990 và Võ Ngọc Lan N sinh ngày 01/01/1997 đã thành niên, có khả năng tự lao động. Ông Võ Văn D và bà Phan Thị Thu C không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do ông Võ Văn D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

X ử:

Cho ly hôn giữa ông Võ Văn D và bà Phan Thị Thu C.

Về án phí: Ông Võ Văn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên

lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0020035 ngày 17 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của ông Võ Văn D và bà Phan Thị Thu C là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- Chi cục THADS huyện Tri Tôn;
- **UBND TT Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;**
- Đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Điệp**